

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29-06-2018

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Phong

Ông Trần Ngọc Toàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Huân – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 06 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018 về việc: Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn C, xã A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị N trình bày: Tôi và anh N kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện. Đăng ký ngày 30/7/2012 tại UBND xã A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu. Đến khoảng tháng 5/2013 thì mâu thuẫn giữa mẹ chồng và nàng dâu xảy ra. Khi mâu thuẫn xảy ra lúc đó anh N đã đánh tôi. Từ đó trở đi cuộc sống vợ chồng kính tế khó khăn dần đến xảy ra nhiều mâu thuẫn cãi chửi nhau. Đến tháng 8/2016 thì mâu thuẫn vợ chồng xảy ra căng thẳng và tôi đã đưa con về nhà ông bà ngoại ở xã P sinh sống từ

thời gian đó cho đến nay. Trong thời gian con tôi về nhà ngoại sinh sống ông bà nội không đến thăm hỏi cháu một lần nào và chưa bao giờ mua quà gì gửi cho cháu cả. Còn anh N thì thoảng sang thăm có lần cho con tôi được 200.000đồng, lần nhiều thì được 500.000đồng. Ngoài ra không quan tâm gì thêm nữa. Vợ chồng tôi đã sống ly thân nhau từ tháng 8/2017 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh N.

* Về con chung: Có 01 cháu: Nguyễn Tường V sinh ngày 31/12/2012. Khi ly hôn tôi nhận nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Công việc của tôi hiện nay làm công nhân của Tập đoàn khoa học kỹ thuật Hồng Hải tại tỉnh Bắc Ninh. Thu nhập một tháng khoảng từ 8.000.000đồng đến 8.500.000đồng đủ điều kiện để nuôi con trưởng thành.

* Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày: Tôi và chị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký ngày 30/7/2012 tại UBND xã A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu. Đến tháng 05/2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau, kinh tế khó khăn dẫn đến mâu thuẫn kéo dài và căng thẳng dẫn đến chúng tôi đã sống ly thân nhau từ tháng 8/2017 cho đến nay. Trong thời gian chúng tôi sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Chị N xin ly hôn. Nếu cho tôi nuôi con tôi sẽ đồng ý ly hôn.

* Về con chung: Có 01 cháu: Nguyễn Tường V sinh ngày 31/12/2012. Khi ly hôn tôi nhận nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Công việc của tôi hiện nay làm Công ty Cổ phần TD Hitech tại Bắc Ninh. Thu nhập một tháng được khoảng 10.000.000 đồng đủ để nuôi con.

* Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị N được ly hôn anh N. Áp dụng điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu V cho chị N nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và anh Nguyễn Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái vào ngày 30 tháng 7 năm 2012 là hôn nhân hợp pháp. Chị N và anh N đều cho rằng mâu thuẫn xảy ra do kinh tế gia đình và tính tình vợ chồng không hợp, mâu thuẫn kéo dài căng thẳng và vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa dẫn đến anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 8/2017 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị N xin ly hôn anh N là có căn cứ.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định chị N và anh N không còn tình cảm với nhau nữa và hiện nay anh chị đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị N được ly hôn anh N là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 01 cháu: Nguyễn Tường V sinh ngày 31/12/2012. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N không đồng ý và cũng có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu V đang ở cùng gia đình bố mẹ đẻ chị N từ tháng 8/2016 cho đến nay, cuộc sống của cháu V rất ổn định và cháu đang đi học. Anh N có nguyện vọng nuôi con để cho bố mẹ đẻ anh chăm sóc vì công việc của anh rất bận một tháng chỉ nghỉ để về nhà được 02 ngày. Chị N và anh N đều có thu nhập. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu V được ổn định, đầy đủ. Do vậy cần giao cháu V cho chị N nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 56; 57; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 điều 147; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Về nuôi con chung: Xử giao cháu Nguyễn Tường V sinh ngày 31/12/2012 cho chị Hoàng Thị N trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2013/04785 ngày 18/4/2018 tại Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Xác nhận chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã A
- Lưu HS-TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng

